

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ G  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/DS-ST  
Ngày 30 - 09 - 2022  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông **Trần Minh Tấn**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

2. Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

**- Thư ký phiên tòa:** bà **Trần Thị Đào** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Mộng Đẹp** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Hạnh T**, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: ấp 2, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Lê Quốc Anh T**, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Trúc Đ**, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày: Vào tháng 10 năm 2016, bà T có cho ông Đ và bà T mượn 03 lần với số tiền 50.000.000đ, trong đó ông Đ trực tiếp nhận 20.000.000đ, hai lần còn lại ông Đ điện thoại xuống mượn nên bà đưa cho ông Khiêm mỗi lần 15.000.000đ về đưa cho bà T, trong 03 lần mượn không có làm biên nhận. Đến ngày 15 tháng 5 năm 2017, ông Đ đã trả phần của ông Đ 25.000.000đ, còn phần của bà T chưa trả nên bà T khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền 25.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn bà Lê Quốc Anh T trình bày: ông Đ là cháu ruột của bà T, còn ông Khiêm là con ruột của bà T nên việc bà T cho ông Đ mượn tiền hay đưa tiền cho ông Khiêm bà T không biết và bà T không có mượn tiền của bà T nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trúc Đ: ông Đ thừa nhận ông và bà T có mượn tiền của bà T số tiền 50.000.000đ, hiện nay ông đã trả phần của ông với số tiền 25.000.000đ.

- Kiểm sát viên phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không có mặt theo giấy triệu của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải là không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà T trả số tiền 25.000.000đ

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do nên việc xét xử vắng mặt của họ là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Đ và bà T là vợ chồng nhưng đã thuận tình ly hôn và Tòa án đã ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự vào ngày 19 tháng 12 năm 2016.

[3] Việc bà T cho rằng có cho ông Đ và bà T mượn tiền nhưng khi mượn thì không có biên nhận hay giấy tờ chứng minh, chỉ đến ngày 15 tháng 5 năm 2017 ông Đ mới viết biên nhận cho bà T với nội dung vào tháng 10 năm 2016 ông Đ và bà T có mượn của bà T 50.000.000đ nay ông Đ trả phần của ông Đ là 50% với số tiền 25.000.000đ và phần còn lại của bà T. Như vậy bà T cho rằng bà T mượn tiền nhưng không có biên nhận hay chứng cứ chứng minh bà T có ký tên vào giấy mượn tiền.

[4] Đối với số tiền 30.000.000đ mà ông Khiêm nhận hai lần: Ông Khiêm là con ruột của bà T, bà T trình bày nhận về đưa cho bà T, còn ông Khiêm cho rằng nhận tiền về đưa cho ông Đ. Như vậy không có căn cứ chứng minh bà T có nhận 30.000.000đ.

[5] Bà T và ông Đ có mối quan hệ dì cháu trong khi mượn tiền thì bà T không ký tên và bà T cũng không thừa nhận. Mặt khác, việc bà T và ông Đ trình bày việc nhận số tiền 20.000.000đ cũng không giống nhau, bà T cho rằng ông Đ có nhận 20.000.000đ, còn ông Đ trình bày không có trực tiếp nhận tiền lần nào. Như vậy cũng không có căn cứ chứng minh bà T có nhận số tiền 20.000.000đ

[6] Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu bà T trả số tiền mượn 25.0000.000đ. Đối với việc ông Đ thừa nhận có mượn 50.000.000đ, đã trả trước 25.000.000đ, còn lại 25.000.000đ nếu bà T có yêu cầu ông Đ sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G là phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Nguyễn Hạnh T phải chịu án phí trên yêu cầu không được chấp nhận là  $25.000.000đ \times 5\% = 1.250.000đ$ , khấu trừ số tiền bà T đã tạm ứng 625.000đ theo biên lai thu tiền số 0010582 ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, buộc bà T phải nộp tiếp 625.000đ.

- Các đương sự khác không phải nộp án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015
- Căn cứ Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hạnh T về việc yêu cầu bà Lê Quốc Anh T trả số tiền vay 25.0000.000đ

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Nguyễn Hạnh T phải chịu nộp án phí trên yêu cầu không được chấp nhận là 1.250.000đ, khấu trừ số tiền bà T đã tạm ứng 625.000đ theo biên lai thu tiền số 0010582 ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, buộc bà T phải nộp tiếp 625.000đ.

- Các đương sự khác không phải nộp án phí.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Minh Tấn**